

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/5/2023

“ Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Thụy và ông Triệu Ngọc Vạn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Mạnh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Ninh Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2022, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Thạm Thị T, sinh năm 1982 - HKTT: Thôn 2, xã Vạn Phúc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1976 - HKTT: Thôn 2, xã Vạn Phúc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, chị Thạm Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2002 tại UBND xã Vạn Phúc, huyện Ninh Giang, đến khoảng năm 2006 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì kinh tế khó khăn, thường xuyên bất đồng quan điểm, đến năm 2019 anh H tham gia đánh lô đề và không chung thủy vợ chồng cho nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị đã thuê nhà ở riêng sống ly thân anh H từ tháng 06/2022 cho đến nay, do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Về con chung: Chị và anh H có hai con là Trần Văn H1, sinh ngày 13/3/2003 và Trần Văn T, sinh ngày 10/3/2006. Con Trần Văn H1 đã thành niên không cần phải chăm sóc, nuôi dưỡng, con Trần Văn T chưa thành niên đang ở cùng anh H. Ly hôn đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của con để giao cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng, nếu chị được nuôi con thì không yêu

cầu anh H cấp dưỡng, nếu anh H nuôi con thì chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Trần Văn H trình bày: Về thời gian, địa điểm kết hôn, thời gian vợ chồng sống ly thân thống nhất như lời khai của chị Phạm Thị T. Anh xác định sau khi kết hôn vợ chồng nhiều năm chung sống hạnh phúc, cho đến giữa năm 2021 có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc đối xử giữa vợ chồng, vì thế chị T đã thuê nhà sống riêng biệt, không về nhà, không quan tâm đến chồng con. Anh cũng đã nhiều lần đến tìm chị T về chung sống nhưng chị T không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, anh không nhất trí ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có hai con như chị T trình bày, ly hôn anh đề nghị tòa án xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên Trần Văn T để giao cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng, ai không trực tiếp nuôi con thì phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Chị T và anh H đăng ký kết hôn ngày 22/02/2002 tại UBND xã Vạn Phúc, huyện Ninh Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa phương, đến khoảng năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn vì chị T nghi ngờ anh H không chung thủy, chính quyền địa phương đã tổ chức hòa giải nhưng không có kết quả, từ năm 2021 chị T thuê nhà ở riêng và bán vé máy bay tại xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, sống ly thân anh H cho đến nay. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung là Trần Văn H1, sinh ngày 13/3/2003 và Trần Văn T, sinh ngày 10/3/2006. Con Trần Văn H1 đã thành niên không cần phải chăm sóc, nuôi dưỡng, con Trần Văn T chưa thành niên đang ở cùng anh H, hai bên đều có đủ điều kiện nuôi con, nếu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh H thì đề nghị xem xét nguyện vọng của con để giao cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng, đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 ; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Trần Văn H. Về con chung: Xử giao con Trần Văn T, sinh ngày 10/3/2006 cho anh Trần Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị T cấp dưỡng

nuôi con 2000.000 đồng/tháng. Về án phí: Chị Thạm Thị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2002 tại UBND xã Vạn Phúc, huyện Ninh Giang, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đều xác định có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, từ khi ly thân hai bên không có biện pháp nào hòa giải đoàn tụ, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị Thạm Thị T ly hôn anh Trần Văn H theo qui định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con là Trần Văn H1, sinh ngày 13/3/2003 và Trần Văn T, sinh ngày 10/3/2006. Con Trần Văn H1 đã thành niên nên Tòa án không giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng. Con Trần Văn T chưa thành niên và đang ở cùng anh H có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố. Xét thấy anh H có chỗ ở ổn định, nghề nghiệp là công nhân có thu nhập, điều kiện thuận lợi hơn chị T trong việc nuôi con, do vậy HĐXX giao con Trần Văn T cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng nuôi con 2000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 6/2023 trở đi cho đến khi con trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Thạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 ; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạm Thị T:

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thạm Thị T ly hôn anh Trần Văn H.

2- Về con chung: Xử giao con Trần Văn T, sinh ngày 10/3/2006 cho anh Trần Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Thạm Thị T cấp dưỡng nuôi con

2000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2023 trở đi cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị Thạm Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh Trần Văn H có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Thạm Thị T chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3-Về án phí: Chị Thạm Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Thạm Thị T đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số AA/2020/0000233, ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Chị Thạm Thị T còn phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4-Về quyền kháng cáo: Chị Thạm Thị T và anh Trần Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- Đường sự;
- UBND xã Vạn Phúc ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hà Xuân Trường

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh AnhBAT

Trịnh Viết Xây

Hà T Trường

